

Bản án số: 371/2024/DS-PT

Ngày: 15/7/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tố Trang - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DSST, ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Bích T, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Lê Văn C, sinh năm 1970;

Dương Kim K, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông C, bà K:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, Lý Thường K1, tổ A, khu phố H, phường E, TP., tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông C, bà K:

Luật sư Bùi Lưu L – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Văn C, Dương Kim K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Bích T trình bày:* Bà là chị dâu của ông Lê Văn C và là chị em bạn dâu với bà Dương Kim K, do quan hệ ruột thịt nên từ năm 2021 đến năm 2023 nhiều lần bà cho vợ chồng ông C, bà K vay

tiền để mua bán sâu riêng. Đến ngày 19/5/2023 âm lịch, vợ chồng ông C làm biên nhận kết số nợ là 4.800.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả trong 30 ngày, tính lãi suất theo Ngân hàng, bà K viết biên nhận và đại diện ký tên, đến hạn trả nợ ông C, bà K không thực hiện và kéo dài đến nay;

Bà Nguyễn Bích T yêu cầu ông Lê Văn C và bà Dương Kim K trả số tiền 4.800.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 19/5/2023 âm lịch (là ngày 06/7/2023 dương lịch) đến ngày xét xử, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn C, bà Dương Kim K là ông Nguyễn Văn D trình bày: Bà Dương Kim K có vay tiền của bà Nguyễn Bích T 02 lần tiền: Tháng 4 năm 2021, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng; Tháng 6 năm 2021, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, thời hạn vay khi bà T cần thì bà K phải trả lại, không có làm biên nhận;

Tháng 8 năm 2021, bà T đến nhà yêu cầu bà K viết giấy nợ số tiền 400.000.000 đồng cộng lãi suất 120.000.000 đồng, tổng cộng 520.000.000 đồng, bà K ký tên, bà T giữ bản gốc, không đưa biên nhận cho bà K;

Từ khi làm biên nhận, bà K tiếp tục trả lãi suất 30%/tháng trên số tiền 520.000.000 đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 10 triệu đồng, 20 triệu đồng, 40 triệu đồng, trả lãi không có làm giấy tờ;

Đến tháng 10/2021, bà K nợ tiền lãi 156.000.000 đồng, bà T buộc bà K ký biên nhận cộng vào số tiền 520.000.000 đồng thành 676.000.000 đồng, bà T tiếp tục tính lãi suất 30%/tháng trên số tiền 676.000.000 đồng, đến ngày 19/5/2023 bà T buộc bà K ký biên nhận số tiền 4.800.000.000 đồng, thời hạn trong 01 tháng trả, tính lãi suất 30% trên tháng chỉ thỏa thuận miệng.

Bà K nợ bà T 400.000.000 đồng tiền vốn, còn 4.400.000.000 đồng là tiền lãi, do làm ăn thua lỗ nên đến nay chưa trả được, nợ này do bà K là người trực tiếp giao dịch và làm biên nhận với bà T; Đối với ông Lê Văn C không giao dịch vay tiền của bà T, ông C không liên quan số tiền bà K nợ bà T nên ông C không có trách nhiệm trả.

Bà Dương Kim K chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Bích T số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông Lê Văn C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DSST, ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích T.

Buộc ông Lê Văn C, bà Dương Kim K liên đới trả cho bà Nguyễn Bích T số tiền 4.800.000.000 đồng và 368.000.000 đồng lãi suất, tổng cộng 5.168.000.000 đồng (năm tỷ một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Lê Văn C, bà Dương Kim K phải chịu 113.168.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Nguyễn Bích T số tiền 56.560.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002053 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 04/3/2024, bị đơn Lê Văn C không đồng ý liên đới cùng bà K trả số tiền 5.168.000.000 đồng cho bà T như án sơ thẩm đã tuyên;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 04/3/2024, bị đơn Dương Kim K không đồng ý cùng ông C liên đới trả số tiền 5.168.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, bà K đồng ý trả 2.000.000.000 đồng cho bà T;

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn C, Dương Kim K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông C, bà K đưa ra nhiều luận cứ, cho rằng số tiền mà bà K viết biên nhận cho bà T là chỉ phát sinh giữa bà T và bà K, không có sự đồng ý của ông C, ông C không ký tên vào biên nhận nên chỉ phát sinh trách nhiệm đối với bà K, không phát sinh nghĩa vụ liên đới đối với ông C. Bà K chỉ vay tổng số tiền 400.000.000 đồng, lãi 30%/1tháng nên bà T buộc bà K phải viết biên nhận ngày 19/5/2023 với số tiền 4.800.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, bà K;

Nguyên đơn Nguyễn Bích T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C, bà Dương Kim K, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét cách tính lãi suất của bà T không phù hợp như thỏa thuận trong biên nhận ngày 19/5/2023, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Bích T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 04/3/2024, biên lai tạm ứng án phí ngày 05/3/2024 thì ông C, bà K kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn C, Dương Kim K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc xác lập hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Bích T và bà Lê Văn C, Dương Kim K về số tiền 4.800.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ biên nhận ngày 19/5/2023, có nội dung: “...Tôi Dương Kim K sinh 31/5/1975....tôi có mượn của chị Nguyễn Bích T số tiền 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) chẳng, thời hạn ba mươi ngày tôi sẽ trả lại cho chị T với số tiền trên tôi trả theo lãi suất ngân hàng...”; cuối biên nhận có ký tên và viết tên Dương Kim K, điểm chỉ;

Căn cứ vào lời thừa nhận của bà Dương Kim K thì biên nhận ngày 19/5/2023 là do bà K viết và ký tên, điểm chỉ;

Từ những chứng cứ và lời thừa nhận của đương sự, thì có căn cứ xác định ngày 19/5/2023, bà Dương Kim K có vay của bà Nguyễn Bích T số tiền 4.800.000.000 đồng;

Hợp đồng vay tài sản ngày 19/5/2023, là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất cho vay.

[2.2]. Xét nghĩa vụ trả nợ khi hợp đồng vay tài sản đến hạn trả tiền giữa bà Nguyễn Bích T và bà Dương Kim K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét nội dung của hợp đồng vay tài sản ngày 19/5/2023, thì bà K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay là 4.800.000.000 đồng, sau thời hạn 01 tháng;

Bà Dương Kim K cho rằng: Bà K chỉ vay 400.000.000 đồng, từ tháng 4/2021, lãi suất 30%/tháng không làm giấy tờ. Đến tháng 8/2021, bà K nợ số tiền lãi 120.000.000 đồng, bà K viết giấy nợ cộng vốn, lãi là 520.000.000 đồng. Đến tháng 10/2021, bà K nợ tiền lãi là 156.000.000 đồng nên bà K viết giấy nợ

cộng vốn, lãi là 676.000.000 đồng, thỏa thuận miệng tính lãi suất 30% trên tháng. Bà K trả lãi bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản, đến ngày 19/5/2023 âm lịch bà T buộc bà K viết biên nhận nợ 4.800.000.000 đồng, do bà K đã trả lãi nhiều nên bà K đồng ý trả cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng;

Lời trình bày trên của bà Dương Kim K không được bà Nguyễn Bích T thừa nhận; Bà T trình bày, vào năm 2021, vợ chồng ông C, bà K còn tham gia chơi 02 phần hội tháng trong dây 10 triệu đồng và 02 phần hội tháng trong dây 20 triệu đồng, do bà T làm chủ thảo, nhiều lần vợ chồng ông C, bà K chuyển khoản đóng hội chết cho bà, bà không tranh chấp tiền hội này;

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ:

Bà T cung cấp một danh sách hội viên, bà K tham gia với tên (vợ C), các xác nhận của hội viên cùng tham gia các dây hội. Bà T cung cấp 02 biên nhận ngày 19/10/2022 âm lịch và 19/3/2023 âm lịch đồng thời trình bày thêm vợ chồng ông C, bà K vay tiền nhiều lần, bà K đại diện ký tên trong 03 biên nhận, ngày 19/10/2022 âm lịch ký tên vay 4.000.000.000 đồng, đến ngày 19/3/2023 âm lịch vay thêm 500.000.000 đồng bà K viết biên nhận 4.500.000.000 đồng, đến ngày 19/5/2023 âm lịch vay thêm 300.000.000 đồng, bà K viết biên nhận 4.800.000.000 đồng và bà K đang khởi kiện biên nhận cuối cùng là ngày 19/5/2023;

Bị đơn không ý kiến hay yêu cầu gì đối với dây hội nguyên đơn trình bày và phía bị đơn không cung cấp chứng cứ nào ngoài lời trình bày;

Đại diện ủy quyền của bị đơn cung cấp 03 bản photo “*S số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn... ngày tạo 11/12/2023...*” và cho rằng đây là chứng cứ chứng minh bà K chuyển khoản trả lãi cho bà T nhưng đại diện bị đơn không trình bày, không giải thích được nội dung nào trong 03 bản photo cung cấp tại tòa chứng minh bà K chuyển khoản trả lãi 30% trên tháng trên số tiền bà K vay từ tháng 4 năm 2021 đến ngày làm biên nhận 19/5/2023 âm lịch, bị đơn không có đơn yêu cầu tính lại lãi suất và không cung cấp được chứng cứ nào khác;

Là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền bị đơn Dương Kim K không đưa ra được căn cứ chứng minh cho việc bà K đã trả một phần vốn gốc cho bà T. Ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bà K cũng không đưa ra chứng cứ nào khác;

Do đó cần buộc bà K phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà T với số tiền vay là 4.800.000.000 đồng.

[2.3]. Xét lãi suất cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn Nguyễn Bích T yêu cầu bị đơn Dương Kim K trả lãi suất 01% trên tháng đối với số tiền 4.800.000.000 đồng tính từ ngày làm biên nhận là ngày 19/5/2023 âm lịch (ngày 06/7/2023 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử (ngày 27/02/2024), làm tròn là 07 tháng 20 ngày;

Như đã nhận định trên, hợp đồng vay tài sản ngày 19/5/2023 là hợp đồng vay tài sản có lãi suất, có thời hạn trả nợ vay;

Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, đến hạn trả tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc và lãi suất vay cho bà T, nên cần buộc bà K trả lãi suất phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của bà T;

Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất 4.800.000.000 đồng x 01%/tháng x 07 tháng x 20 ngày thành tiền 368.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4]. Xét trách nhiệm liên đới giữa bà Dương Kim K2, ông Lê Văn C đối với bà Nguyễn Bích T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đại diện bị đơn cho rằng bà K2 là người trực tiếp giao dịch vay tiền và làm biên nhận với bà T, còn ông C không liên quan nên không có trách nhiệm liên đới cùng bà K2 trả nợ cho bà T;

Căn cứ vào biên nhận ngày 19/5/2023, tuy biên nhận không có chữ ký của ông C nhưng bà K2, ông C là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích của việc vay tiền là để kinh doanh mua bán sầu riêng, số tiền các bên vay là số tiền lớn, hơn nữa bà T là chị dâu của ông C, các đương sự có quan hệ anh chị em ruột trong cùng gia đình, ông C cho rằng không biết, không liên quan số nợ là không có cơ sở;

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C, bà K2 có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền vay và lãi suất phát sinh cho bà T là phù hợp;

Vì thế yêu cầu kháng cáo của ông C không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với bà K2 cùng trả nợ cho bà T là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông C.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C, bà Dương Kim K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn C, bà Dương Kim K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C, bà Dương Kim K;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DSST, ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích T.

Buộc ông Lê Văn C, bà Dương Kim K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Bích T số tiền vay 4.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 368.000.000 đồng. Tổng cộng 5.168.000.000 đồng (năm tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C, bà Dương Kim K phải chịu 113.168.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Bích T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp là 56.560.000 đồng theo biên lai thu số 0002053 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn C, bà Dương Kim K mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông C, bà K mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 002377, 002378 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu